

Bản án số: **30/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 10 - 9 - 2024

V/v *Ly hôn*.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Chiêu.

2. Bà Phạm Thị Cung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Đào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 101/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1975.

ĐKHKTT: Tổ dân phố A, Thị trấn B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Số 53 ngõ 406, Khu dân cư số 6, phường N, Quận T, Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Ông Trương Đình N, sinh năm 1968 .

Địa chỉ: Tổ dân phố A, Thị trấn B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt bà B và ông N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 17 tháng 6 năm 2024, quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là bà Phạm Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trương Đình N chung sống với nhau tự nguyện, có tổ chức cưới từ năm 1993. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến ngày 16/9/2020, đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình chung sống, đến tháng 6/2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, hai bên gia đình đã khuyên bảo hòa giải nhưng vợ chồng không hàn gắn tình cảm được. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, mặc dù

chung sống trong một nhà nhưng vợ chồng sống ly thân, không ngủ cùng nhau từ tháng 6/2021 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trương Đình N.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung, cháu Trương Đình Q, sinh ngày 21/6/1993 và cháu Trương Thị P, sinh ngày 03/12/2003. Hiện nay, các cháu đều trưởng thành và có gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng bà không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 8 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trương Đình N trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị B có tổ chức cưới và chung sống với nhau tự nguyện từ năm 1993. Đến ngày 16/9/2020, đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi chung sống từ năm 1993 đến nay, cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cãi vã lẫn nhau. Bà B có chơi bời, nợ nần như thế nào thì ông không rõ. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2024 đến nay, mỗi người mỗi nơi. Ông ở nhờ nhà anh chị em ruột, bà B đi làm ăn xa. Nay bà B làm đơn xin ly hôn thì quan điểm của ông chưa đồng ý ly hôn vì ông muốn bà B làm rõ việc bà chơi bời, nợ nần như thế nào. Tuy nhiên, ông cũng không muốn hòa giải.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung, cháu Trương Đình Q, sinh ngày 21/6/1993 và cháu Trương Thị P, sinh ngày 03/12/2003. Hiện nay, các cháu đều trưởng thành và có gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng ông không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc bận đi làm thuê cho họ nên ông xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, phiên họp và phiên hòa giải, xét xử tại Tòa án. Việc ly hôn của bà B, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Bà Phạm Thị B và ông Trương Đình N vắng mặt (Các đương sự đều đề nghị Tòa án được vắng mặt tại phiên tòa).

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện việc giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã tiến hành xét xử đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị B, xử cho bà Phạm Thị B được ly hôn ông Trương Đình N; Về con chung: Bà B và ông N có 02 con chung, cháu Trương Đình Q, sinh ngày 21/6/1993 và cháu Trương Thị P, sinh

ngày 03/12/2003. Hiện nay, các cháu đều trưởng thành và có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về tài sản chung và công nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trương Đình N là bị đơn, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố A, Thị trấn B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa nên việc bà Phạm Thị B đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bà B và ông N đều đề nghị xin được vắng mặt tất cả các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử tại Tòa. Vì vậy, căn cứ Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà B và ông N.

[2] Về hôn nhân:

Bà Phạm Thị B và ông Trương Đình N tổ chức cưới và chung sống với nhau tự nguyện từ năm 1993. Ngày 16/9/2020, có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn B, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến tháng 6/2021 trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Ông N cho rằng bà B chơi bời, nợ nần. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên bảo hòa giải nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm. Bà B làm đơn xin ly hôn, ông N xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng bà B chưa làm rõ việc bà nợ nần như thế nào dẫn đến cuộc sống vợ chồng xảy ra như thế này nên lúc này ông chưa đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà B và ông N đều thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người mỗi nơi. Điều này chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của bà B và ông N đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Ông N chưa đồng ý ly hôn nhưng không muốn hòa giải, không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà Phạm Thị B được ly hôn ông Trương Đình N.

[3] Về con chung: Bà Phạm Thị B và ông Trương Đình N có 02 con chung, cháu Trương Đình Q, sinh ngày 21/6/1993 và cháu Trương Thị P, sinh ngày 03/12/2003. Hiện nay, các cháu đều trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Bà Phạm Thị B và ông Trương Đình N đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Phạm Thị B khởi kiện vụ án ly hôn nên bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân:* Xử cho bà Phạm Thị B được ly hôn ông Trương Đình N.

- *Về con chung:* Bà Phạm Thị B và ông Trương Đình N có 02 con chung, cháu Trương Đình Q, sinh ngày 21/6/1993 và cháu Trương Thị P, sinh ngày 03/12/2003. Hiện nay, các cháu đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và công nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Bà Phạm Thị B phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) bà B đã nộp theo biên lai thu số: 0003562 ngày 19/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- *Về quyền kháng cáo:* Bà Phạm Thị B và ông Trương Đình N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND TT Yên Lâm, huyện Yên Định (ĐKHK số 27 ngày 16/9/2020);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Cung Lê Minh Chiêu

Nguyễn Thị Hoa